

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2018**  
(Căn cứ phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

Tên quỹ:	<b>Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom</b> Viết tắt: TCFE
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư:	Với mục tiêu là bảo toàn vốn, tạo lợi nhuận ngắn hạn cạnh tranh hơn so với các khoản tiền gửi không kỳ hạn, đồng thời tăng tính thanh khoản khi nắm giữ Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư, Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá khác có chất lượng tín dụng tốt và tính thanh khoản cao.
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	3,010,000.00 (thời điểm 31/12/2018)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Không áp dụng
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Không áp dụng
Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư số 183/2011/TT-BTC	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 31/12/2018:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %
Danh mục chứng khoán	91.12%	-
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	5.07%	-
Tài sản khác	3.81%	-
	<b>100%</b>	<b>-</b>

Giá trị tài sản ròng của Quỹ:	30,333,298,945.00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ	3,010,000.00
Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành	10,077.50
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong kỳ:	10,085.59
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong kỳ:	9,993.09

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	250,895,136.00
2	Cổ tức được chia	142,985,843.00
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	68,634,237.00
4	Tổng chi phí	120,336,271.00
	<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>342,178,945.00</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ năm 2018	3.62%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ năm 2017	-

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối năm 2018	820.67%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối năm 2017	-

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm):	342,178,945.00
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm):	342,178,945.00

- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm):	342,178,945.00
--	----------------

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

17

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không áp dụng
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng
- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng
- e. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ được đầu tư thận trọng trên cơ sở đánh giá lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư.

- f. Đánh giá biến động của thị trường:

*Kinh tế vĩ mô năm 2018*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV năm 2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,65% và khu vực dịch vụ tăng 7,61%. Tăng trưởng quý IV/2018 thấp hơn tăng trưởng quý IV/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý IV các năm 2011-2016. Trên góc độ sử dụng GDP quý IV năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 9,06%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,69%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,50%. GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,7 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017 (vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là tăng 7%-8% và Nghị quyết 01 của Chính phủ là tăng 8%-10%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 69,2 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm 2017, chiếm 28,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 175,5 tỷ USD, tăng 12,9%, chiếm 71,7% (giảm 0,6 điểm phần trăm so với năm 2017). Năm 2018, khu vực kinh tế trong nước chuyển biến tích cực khi đạt tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cao hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng lên so với năm 2017. Trong năm 2018 có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó có 5 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 58,3%. Kim ngạch hàng hoá nhập khẩu năm 2018 ước tính đạt 237,5 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước, trong đó có 36 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 90,4% tổng kim ngạch, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD. Ước tính cả năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 482,2 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/12/2018 thu hút 3.046 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 17.976,2 triệu USD, tăng 17,6% về số dự án và giảm 15,5% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 1.169 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 7.596,7 triệu USD, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2018 đạt 25.572,9 triệu USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 ước tính đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước; CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

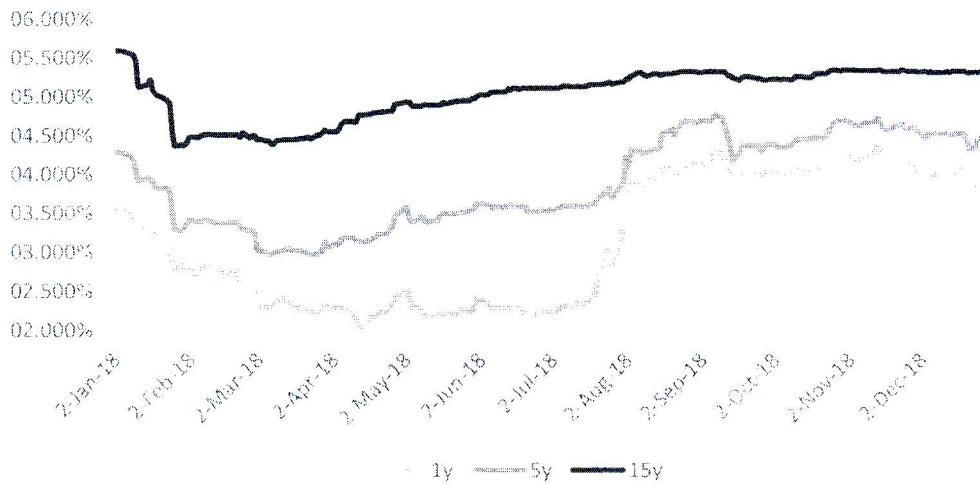
#### *Thị trường trái phiếu năm 2018*

Thanh khoản thị trường thứ cấp năm 2018 theo sát biến động của lợi suất khi bùng nổ trong Quý 1 và sau đó giảm mạnh so với cùng kỳ đặc biệt trong giai đoạn lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng cao. 2.037 nghìn tỷ đồng (+0,6% yoy) được giao dịch trên thị trường thứ cấp trong 11 tháng đầu năm. Khối lượng outright giảm so với cùng kỳ đạt 930 nghìn tỷ đồng (-10,1% yoy) trong khi giá trị giao dịch repo tăng kỷ lục lên 1.106 nghìn tỷ đồng (+11,9% yoy).

Lợi suất rơi nhanh và tạo đáy trong Quý 1 trước khi chịu áp lực tăng trong suốt các tháng còn lại. Lợi suất trái phiếu ngắn hạn biến động nhiều hơn kỳ hạn dài, theo sát diễn biến trên thị trường liên ngân hàng. Trong khi đã giảm được ghi nhận khá đồng đều tại tất cả các kỳ hạn thì trong nhịp tăng trong các tháng cuối năm, đã tăng nhanh, mạnh và nhiều nhất được ghi nhận tại các kỳ hạn ngắn, nhạy cảm với thanh khoản trên thị trường tiền tệ. Theo đó, kết thúc tháng 11, theo thống kê của Bloomberg, lợi suất các kỳ hạn 1 năm 2 năm, 3 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm và 15 năm ở mức 4,15% (+50,5 bps ytd), 4,263% (+44,3 bps ytd), 4,408% (+44,8 bps ytd), 4,625% (+32,5 bps ytd), 4,9% (+26,3 bps ytd), 5,188% (-0,7 bps ytd), 5,425% (-25 bps ytd). Cùng với đó, các nhà đầu tư ngoại có xu hướng mua ròng trên thị trường với giá trị hơn 4.800 tỷ đồng

Khác biệt so với năm 2017, thanh khoản trên thị trường duy trì trạng thái dồi dào trong 5 tháng đầu năm và hầu như không chịu các ảnh hưởng đáng kể của các yếu tố mùa vụ. Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm, dưới sự điều tiết chủ động của NHNN, mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng đã tăng cao hơn so với mặt bằng chung năm 2017. Cùng với đó, giai đoạn này dòng tiền mới vào thị trường là không rõ ràng, buộc các ngân hàng phải chuẩn bị cho kịch bản thanh khoản không còn dồi dào vào cuối năm do các yếu tố mùa vụ. Cũng cần lưu ý thêm, trong giai đoạn này không xảy ra tình trạng thiếu hụt thanh khoản khi quá trình giải ngân vốn trái phiếu chính phủ thông qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) dù đã có cải thiện so với cùng kỳ nhưng không quá đột biến. Cụ thể, theo báo cáo của KBNN, tính đến tháng 11, nguồn vốn Chính phủ giải ngân qua Kho bạc Nhà nước ước đạt 241.358,1 tỷ đồng, bằng 62,9% KH.

## Lợi suất trái phiếu chính phủ năm 2018



Nguồn: VBMA, TCC tổng hợp

g. Hiệu quả hoạt động của Quỹ: Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 0.77% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.

h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư năm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.

i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

j. Các thông tin khác (nếu có): Không có

#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Không có.

b. Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 05 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, TCFF có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 18/12/2018 đến ngày 20/12/2018, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành của quỹ TCFF của các mã trái phiếu MSN11719, NVL11715, TCE11721 chưa đảm bảo hạn chế đầu tư của Quỹ là hạn mức tối đa 20% tổng giá trị tài sản của quỹ quy định tại khoản 10.2.c, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC;

- Ngoài ra, tại một số kỳ định giá tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ có thu nhập cố định khác chưa đảm bảo hạn mức từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên theo quy định tại khoản 10.2.a, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 17, điều 2 của Thông tư 183/2011/TT-BTC.

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Linh hoạt Techcom đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:

- Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Không có.

- Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.

d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có.

Chi tiết về việc phát hành CCQ:

Chỉ tiêu	Số lượng CCQ
Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2017:	5,010,000.00
Tổng số CCQ phát hành thêm trong kỳ:	-
Tổng số CCQ mua lại trong kỳ:	2,000,000.00
Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2018:	3,010,000.00

e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (NHGS) phát hiện: Không có.

f. Các hoạt động khác: Không có.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chi tiêu (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	<b>41,644,643.00</b>
% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	12.17%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	29.13%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	34.61%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chi tiêu (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
<b>Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)</b>	<b>41,644,643.00</b>
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	4,967,742.00
Chi phí dịch vụ lưu ký	17,515,618.00
Chi phí dịch vụ giám sát	4,790,317.00
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	14,370,966.00

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tinh chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ TCFE được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.



Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2018 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom (TCFF).

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*[Handwritten signature]*  
Đặng Lưu Dũng

